

**5. Hàng hoá (kể cả container) trung chuyển:** Là hàng hoá được dỡ từ tàu thủy đưa vào khu vực cảng trung chuyển trong một thời gian nhất định, sau đó được bốc lên tàu thủy khác để vận chuyển đến một cảng khác.

**6. Hàng hoá nguy hiểm:** Là hàng hoá có tính chất độc hại và nguy hiểm cho người, tàu và môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

**7. Phương tiện thủy:** Bao gồm tàu biển, tàu sông và các loại tàu, thuyền, phương tiện khác (không phân biệt có động cơ hoặc không có động cơ) hoạt động trên biển và các vùng nước liên quan đến biển Việt Nam.

**8. Tàu lai hỗ trợ:** Là tàu được thiết kế, đăng kiểm và đăng ký hoạt động làm dịch vụ lai dắt, hỗ trợ tàu ra vào cảng.

**9. Vận tải Quốc tế:** Là việc vận tải hàng hoá, container, hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài và từ nước ngoài đến Việt Nam, vận tải quá cảnh, vận tải trung chuyển quốc tế và vận tải vào hoặc ra khu chế xuất.

**10. Vận tải Nội địa:** Là việc vận tải hàng hoá, container, hành khách trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và vận tải vào hoặc ra khu chế xuất thuộc lãnh thổ Việt Nam.

**11. Người vận chuyển:** Là người dùng tàu thủy thuộc sở hữu của mình hoặc thuê tàu thủy thuộc sở hữu của người khác để thực hiện vận chuyển hàng hoá, hành khách.

**12. Người được uỷ thác:** Là tổ chức, cá nhân được Chủ hàng hoặc người vận chuyển uỷ quyền để thực hiện vận chuyển, bốc dỡ, giao nhận và bảo quản hàng hoá tại Cảng.

#### **IV - ĐƠN VỊ TÍNH GIÁ DỊCH VỤ CẢNG BIỂN VÀ CÁCH QUY TRÒN.**

##### **1 - Đơn vị trọng tải:**

1.1. Trọng tải tàu thủy, phương tiện thủy: được tính trên cơ sở tổng dung tích toàn phần của phương tiện thủy (Gross Tonnage - GT). Phần lẻ dưới 0,5 GT không tính, từ 0,5 GT đến < 1 GT được tính tròn là 1 GT.

1.2. Những phương tiện không ghi GT thì được quy đổi như sau:

- Tàu chở hàng: 1 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 1GT.
- Tàu kéo, tàu đẩy, tàu công trình: 1 mã lực (HP/CV) tính bằng 0,5 GT.
- Sà lan: 1 tấn trọng tải đăng ký tính 1 GT.

1.3. Đối với tàu thủy chở hàng khô, container, hàng lỏng: trọng tải tính giá dịch vụ cảng biển là tổng dung tích (GT) lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận đăng kiểm.

1.4. Đối với tàu thủy là đoàn sà lan, tàu kéo (hoặc tàu đẩy): Trọng tải tính phí, giá dịch vụ cảng biển là tổng GT của cả đoàn sà lan và tàu kéo (hoặc tàu đẩy) cộng lại.

##### **2. Đơn vị công suất máy:**

- Đơn vị: Công suất máy được tính bằng mã lực (Horse Power- HP) hay Cheval Vapeur (CV) hoặc Kilowatt (KW).

- Quy đổi: Phần lẻ dưới 1 HP/CV/KW tính tròn thành 1 HP/CV/KW.